

DAO ĐỘNG GIẢNG CO

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- **Thị trường chứng khoán Châu Á** tiếp diễn xu hướng giảm do lo ngại của nhà đầu tư về triển vọng tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu.
- **VN-Index** giảm 0,20 điểm xuống 1.302,96 điểm với thanh khoản đạt 16.631,8 tỷ đồng. Thị trường hôm nay vận động giằng co trong biên độ hẹp xuyên suốt cả phiên giao dịch. Tuy nhiên, dòng tiền tiếp tục luân phiên hướng tới các nhóm ngành khác nhau, với điển hình là nhóm Viễn Thông (+4,27%) và Công Nghệ (+1,87%) sau chuỗi ngày điều chỉnh liên tục vừa qua.
- **Nhóm cổ phiếu VN30** giữ nguyên mức 1.360,56 điểm với sắc đỏ chiếm đa số khi có 19 mã giảm điểm, 2 mã không đổi và 9 mã tăng điểm. Đây là phiên nhóm Ngân Hàng (-0,44%) xuất hiện áp lực chốt lời và ảnh hưởng không tốt tới điểm số thị trường, dưới sự dẫn dắt của CTG (-1,19%), VCB (-0,32%), STB (-1,78%). Ở chiều ngược lại, FPT (+2,01%) và GVR (+1,56%) là các điểm sáng đóng góp tích cực đến chỉ số chung.
- **Nhóm Midcap – Smallcap** tiếp tục tăng điểm khi lần lượt tăng 2,02 và 1,69 điểm, tương đương mức 0,10% và 0,11% so với phiên qua.
- **HNX-Index** tăng 0,29 điểm lên 238,60 điểm với thanh khoản đạt 1.202,6 tỷ.
- **UPCom** giảm 0,24 điểm xuống 99,73 điểm với tổng giá trị giao dịch ở mức 949,9 tỷ.

NHẬN ĐỊNH EVS

- **Về thị trường chung** dòng tiền tiếp tục đan xen tham gia vào các nhóm ngành khác nhau.
- **Về kỹ thuật** đường giá giữ vững mốc 1.300 điểm với thanh khoản ở mức cao. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật trên khung ngày như MACD lẫn RSI tiếp diễn xu hướng tăng và chưa có dấu hiệu đảo chiều trở lại.
- **Về hành động** NĐT hạn chế FOMO mua đuổi khi chỉ số xuất hiện các nhịp kéo mạnh thiếu dòng tiền. Ưu tiên nắm giữ danh mục và chờ đợi các điểm điều chỉnh để gia tăng thêm tỉ trọng cổ phiếu.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

| Chỉ số | Điểm | Thay đổi | %Chg |
|-----------|-----------|----------|--------|
| Dow Jones | 43.461,21 | 33,19 | 0,08% |
| S&P 500 | 5.983,25 | -29,88 | -0,50% |
| DAX | 22.425,93 | 138,37 | 0,62% |
| NASDAQ | 19.286,93 | -237,08 | -1,21% |
| Hang Seng | 23.034,02 | -307,59 | -1,32% |

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

| Chỉ số | Giá (USD) | Thay đổi | %Chg |
|---------------|-----------|----------|--------|
| Giá vàng | 2.968,20 | 16,60 | 0,56% |
| Giá dầu Brent | 74,43 | -2,05 | -2,68% |
| Giá dầu WTI | 70,94 | 0,55 | 0,78% |

THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ

| Chỉ số | Giá | Thay đổi | %Chg |
|---------|--------|----------|--------|
| USD/VND | 25.467 | -43 | -0,17% |
| USD/JPY | 149,70 | 0,47 | 0,31% |
| EUR/USD | 1,0467 | 0,0011 | 0,11% |

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

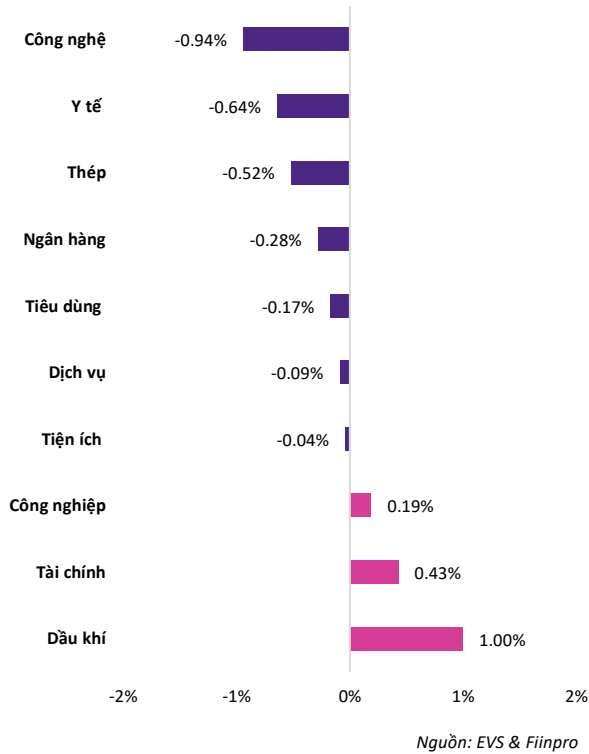
| Chỉ số | Giá trị | Thay đổi | %Chg |
|------------------|----------|----------|--------|
| VN-Index | | | |
| Đóng cửa [điểm] | 1.303,16 | -1,40 | -0,11% |
| KLGD [triệu CP] | 822,16 | -7,52 | -0,91% |
| GTGD [tỷ VND] | 19.518,7 | -1.527,0 | -7,26% |
| HNX-Index | | | |
| Đóng cửa [điểm] | 238,31 | -0,18 | -0,08% |
| KLGD [triệu CP] | 83,60 | 21,17 | 33,92% |
| UPCoM | | | |
| Đóng cửa [điểm] | 99,97 | -0,24 | -0,24% |
| KLGD [triệu CP] | 80,01 | 10,56 | 15,20% |
| GTGD [tỷ VND] | 1.126,1 | 81,27 | 7,78% |

NGÀNH CÓ GTGD LỚN

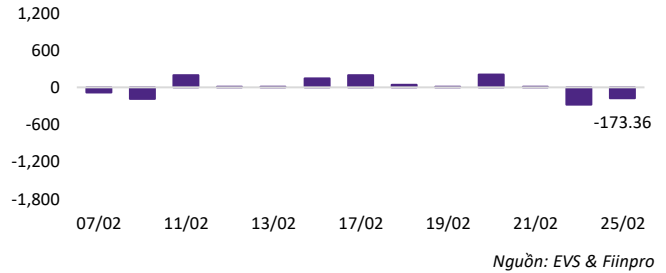
| Ngành | Điểm | Thay đổi | %Chg |
|--------------|--------|----------|--------|
| Ngân hàng | 557,89 | -1,41 | -0,25% |
| Chứng khoán | 607,79 | 3,29 | 0,54% |
| Bất động sản | 304,69 | 1,54 | 0,51% |
| Tài nguyên | 303,12 | -8,15 | -2,62% |

Các nhóm ngành hạ nhiệt sau chuỗi tăng ấn tượng

Diễn biến ngành

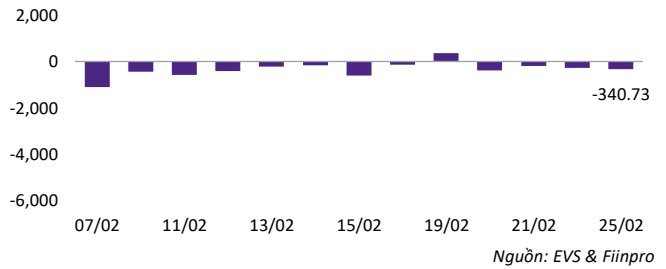


Tự doanh tiếp đà bán ròng



Khối tự doanh hôm nay tiếp tục bán ròng và chủ yếu bán vào GEE, MWG, SBT.

Nước ngoài duy trì áp lực bán ròng



Khối ngoại bán ròng phiên thứ 4 liên tiếp và tập trung bán theo phương thức khớp lệnh, đạt 593,17 tỷ.

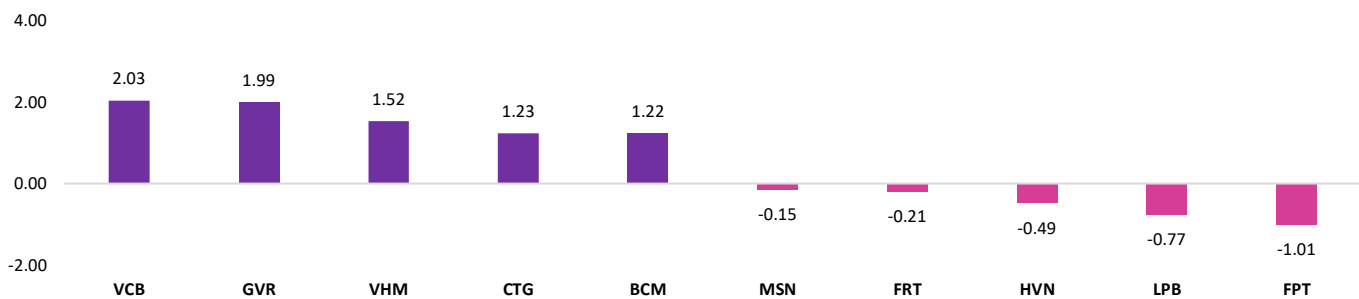
Top NĐTNN mua ròng

| Mã | Đóng cửa | %Chg | GT ròng (tỷ VND) |
|-----|----------|--------|------------------|
| MWG | 58.300 | -0,17% | 220,75 |
| VCI | 36.800 | 0,14% | 74,90 |
| HPG | 27.500 | -0,72% | 37,03 |
| MSN | 68.400 | 1,18% | 31,87 |
| PC1 | 24.050 | 1,48% | 19,79 |

Top NĐTNN bán ròng

| Mã | Đóng cửa | %Chg | GT ròng (tỷ VND) |
|-----|----------|--------|------------------|
| FPT | 139.000 | -1,07% | -192,05 |
| HDB | 23.200 | -1,07% | -95,79 |
| VCB | 92.600 | -0,96% | -92,19 |
| GMD | 61.000 | -1,45% | -46,28 |
| KDH | 33.350 | -0,89% | -44,02 |

Top cổ phiếu ảnh hưởng của tuần trước



Nguồn: EVS & Fiiipro

Tin tức & Sự kiện

Tin tức trong nước

Ngân hàng đồng loạt giảm mạnh lãi suất huy động.

Sau cuộc họp về việc thực hiện các giải pháp ổn định mặt bằng lãi suất tiền gửi giữa Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng chiều ngày 25/02, các ngân hàng đã đồng loạt giảm mạnh lãi suất huy động. Cụ thể, **lãi suất tiết kiệm cao nhất tại MSB chỉ còn 5,6%/năm** áp dụng cho các kỳ hạn từ 12 tháng trở lên, lãi cuối kỳ. Trong khi Eximbank trước đó niêm yết mức lãi suất cho các kỳ hạn dài từ 15 - 34 tháng **lên đến 6,2 - 6,5%/năm, nhưng chiều nay đã ban hành biểu lãi suất mới với mức cao nhất chỉ còn 5,8%/năm** áp dụng cho kỳ hạn 24 tháng, lãnh lãi cuối kỳ. Với Vietcombank lãi suất huy động kỳ hạn dài **36 tháng tại đã trở về mức 4,7%/năm, giảm 0,1%**.

Tin tức nước ngoài

Campuchia ghi nhận mức tăng trưởng tích cực.

Giữa những biến động khó lường của kinh tế toàn cầu, **kinh tế Campuchia trong năm 2024 vẫn đạt mức tăng trưởng 6%**, thấp hơn đôi chút so với dự báo 6,2%. Trong khi đó, **lạm phát của quốc gia giữ ở mức 0,8% và là mức lạm phát thấp nhất trong hơn một thập kỷ qua tại Campuchia**.

Nguyên nhân lạm phát duy trì thấp xuất phát từ giá nhiên liệu giảm, giá thực phẩm tăng chậm lại và lạm phát cơ bản thấp. Ngoài ra, giá hàng hóa và dịch vụ liên quan đến nhiên liệu tiếp tục giảm 2,1% do giá dầu thô thế giới giảm cùng kết hợp với các biện pháp làm giảm giá xăng của Chính Phủ.

Hàn Quốc giảm lãi suất chủ chốt xuống 2,75%.

Sau biến động chính trị vào tháng 12 năm ngoái, niềm tin tiêu dùng và kinh doanh tại Hàn Quốc suy giảm trầm trọng và khuếch đại rủi ro kinh tế. **GDP quý IV/2024 của Hàn Quốc tăng trưởng 1,2% và là mức thấp nhất trong 6 quý vừa qua**, chủ yếu do tiêu dùng và xây dựng suy yếu. Do đó, **Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) đã chính thức hạ lãi suất từ 3% xuống 2,75%**, đúng như dự báo ban đầu. Đây là lần thứ ba trong bốn cuộc họp gần nhất BOK thực hiện cắt giảm lãi suất.

Lịch sự kiện trong tháng

| Ngày | LỊCH SỰ KIỆN KINH TẾ TRONG THÁNG | NƯỚC |
|------------|--|------|
| 03/02/2025 | CHỈ SỐ QUẢN LÝ THU MUA (PMI) | VN |
| 03/02/2025 | CHỈ SỐ QUẢN LÝ THU MUA (PMI) | MỸ |
| 06/02/2025 | CÔNG BỐ SỐ LIỆU KINH TẾ THÁNG 01/2025 | VN |
| 07/02/2025 | CÔNG BỐ TỶ LỆ THẤT NGHIỆP | MỸ |
| 11/02/2025 | MSCI CÔNG BỐ ĐÀO DANH MỤC | VN |
| 12/02/2025 | CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI) THÁNG 1 | MỸ |
| 13/02/2025 | CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT (PPI) THÁNG 1 | MỸ |
| 20/02/2025 | ĐÁO HẠN HẾT LÃI THÁNG 2 (VN30F2502) | VN |
| 28/02/2025 | TÁI CƠ CẤU DANH MỤC QUỸ ETF LIÊN QUAN MSCI | VN |
| 28/02/2025 | CÔNG BỐ SỐ ĐIỀU CHỈNH GDP | MỸ |

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

| Mã CP | Ngành | Thời điểm khuyến nghị | Thời điểm mua | Giá mua vào | Target | Vùng cắt lỗ | Thời điểm bán | Giá bán ra | Lợi nhuận |
|-------|--------------|-----------------------|---------------|-------------|---------|-------------|---------------|------------|-----------|
| STB | Ngân Hàng | 01/01/2024 | Không khớp | 27.500 | 32.000 | 26.000 | 30/01/2024 | 30.700 | 12% |
| BSR | Dầu Khí | 07/01/2024 | 09/01/2024 | 18.500 | 22.000 | 17.500 | 23/02/2024 | 20.000 | 8% |
| NT2 | Điện Lực | 14/01/2024 | 18/01/2024 | 25.500 | 30.500 | 24.000 | 30/01/2024 | 26.150 | 3% |
| GIL | Dệt May | 21/01/2024 | 25/01/2024 | 26.500 | 32.000 | 24.500 | 23/02/2024 | 32.500 | 23% |
| HDG | Bất Động Sản | 28/01/2024 | Không khớp | 25.000 | 28.000 | 24.500 | 23/02/2024 | 26.800 | 7% |
| GEG | Điện Lực | 04/02/2024 | Không khớp | 13.000 | 15.000 | 12.500 | 28/02/2024 | 13.200 | 2% |
| VNM | Thực Phẩm | 18/02/2024 | Không khớp | 69.000 | 80.000 | 65.500 | 13/03/2024 | 70.800 | 3% |
| PC1 | Điện Lực | 25/02/2024 | 26/02/2024 | 27.500 | 31.000 | 26.000 | 22/03/2024 | 28.550 | 4% |
| HHV | Xây Dựng | 03/03/2024 | 06/03/2024 | 15.500 | 19.000 | 13.200 | 27/03/2024 | 15.700 | 1% |
| NLG | Bất Động Sản | 10/03/2024 | 18/03/2024 | 41.000 | 46.000 | 38.000 | 02/04/2024 | 43.800 | 7% |
| DPG | Bất Động Sản | 17/03/2024 | Không khớp | 41.500 | 46.000 | 39.000 | 10/04/2024 | 51.200 | 23% |
| NKG | Thép | 24/03/2024 | 05/04/2024 | 25.000 | 29.500 | 23.000 | 15/04/2024 | 25.850 | 3% |
| VPB | Ngân Hàng | 31/03/2024 | 01/04/2024 | 19.500 | 22.000 | 17.500 | 15/04/2024 | 19.700 | 1% |
| NVL | Bất Động Sản | 07/04/2024 | 09/04/2024 | 18.000 | 22.000 | 16.500 | 15/04/2024 | 17.700 | -2% |
| PVS | Dầu Khí | 21/04/2024 | 23/04/2024 | 38.000 | 42.000 | 36.500 | 16/05/2024 | 45.600 | 20% |
| VNM | Thực Phẩm | 05/05/2024 | Không khớp | 65.000 | 70.000 | 63.200 | 23/05/2024 | 67.000 | 3% |
| SMC | Thép | 12/05/2024 | Không khớp | 12.500 | 14.000 | 11.300 | 14/06/2024 | 14.050 | 12% |
| DIG | Bất Động Sản | 19/05/2024 | 21/05/2024 | 29.000 | 32.000 | 27.800 | 24/05/2024 | 29.200 | 1% |
| OCB | Ngân Hàng | 26/05/2024 | Không khớp | 14.000 | 16.000 | 13.000 | 17/06/2024 | 15.450 | 10% |
| IJC | Bất Động Sản | 02/06/2024 | Không khớp | 14.500 | 16.500 | 13.500 | 17/06/2024 | 16.300 | 12% |
| HAH | Cảng Biển | 09/06/2024 | Không khớp | 44.000 | 50.000 | 41.000 | 17/06/2024 | 50.600 | 15% |
| DPG | Bất động sản | 21/06/2024 | 24/06/2024 | 58.000 | 71.000 | 52.000 | 23/07/2024 | 52.000 | -10% |
| MSH | Dệt may | 29/06/2024 | 18/07/2024 | 46.000 | 54.000 | 41.000 | 21/08/2024 | 50.800 | 10% |
| TCM | Dệt may | 08/07/2024 | 10/07/2024 | 53.000 | 60.000 | 48.000 | 02/08/2024 | 48.000 | -9% |
| HAH | Cảng biển | 15/07/2024 | 16/07/2024 | 44.500 | 50.000 | 40.000 | 01/08/2024 | 40.000 | -10% |
| NLG | Bất động sản | 28/07/2024 | 30/07/2024 | 42.100 | 47.000 | 40.000 | 01/08/2024 | 40.000 | -5% |
| PNJ | Bán lẻ | 04/08/2024 | 05/08/2024 | 96.000 | 106.000 | 90.000 | 26/08/2024 | 102.600 | 7% |
| MWG | Bán lẻ | 11/08/2024 | Không khớp | 64.000 | 72.000 | 58.000 | 10/09/2024 | 67.800 | 6% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

| Mã CP | Ngành | Thời điểm khuyến nghị | Thời điểm mua | Giá mua vào | Target | Vùng cắt lỗ | Thời điểm bán | Giá bán ra | Lợi nhuận |
|-------|--------------|-----------------------|---------------|-------------|---------|-------------|---------------|------------|-----------|
| VHC | Thủy sản | 25/08/2024 | 26/08/2024 | 74.000 | 82.000 | 69.500 | 16/09/2024 | 69.500 | -6% |
| BMP | Nhựa | 18/08/2024 | Không khớp | 100.000 | 110.000 | 96.000 | 24/09/2024 | 124.500 | 25% |
| NTL | Bất động sản | 09/09/2024 | 10/09/2024 | 21.500 | 24.000 | 20.500 | 25/09/2024 | 21.900 | 2% |
| FTS | Chứng khoán | 15/09/2024 | 16/09/2024 | 43.500 | 48.500 | 40.000 | 26/09/2024 | 45.300 | 4% |
| PVP | Vận tải | 01/09/2024 | 04/09/2024 | 17.200 | 19.500 | 16.000 | 04/10/2024 | 16.000 | -8% |
| GMD | Cảng biển | 21/07/2024 | 22/07/2024 | 78.200 | 87.000 | 72.000 | 18/10/2024 | 72.000 | -8% |
| HCM | Chứng khoán | 06/10/2024 | 17/10/2024 | 30.000 | 32.000 | 29.000 | 23/10/2024 | 29.000 | -3% |
| LPB | Ngân Hàng | 22/09/2024 | Không khớp | 31.000 | 34.000 | 29.000 | 04/11/2024 | 32.350 | 4% |
| OCB | Ngân Hàng | 29/09/2024 | 02/10/2024 | 11.900 | 13.000 | 11.000 | 04/11/2024 | 11.000 | -8% |
| PET | Bán Lẻ | 13/10/2024 | 15/10/2024 | 27.000 | 29.500 | 25.500 | 15/11/2024 | 25.500 | -6% |
| BVS | Chứng Khoán | 10/11/2024 | 11/11/2024 | 41.300 | 45.000 | 38.000 | 15/11/2024 | 38.000 | -8% |
| HDG | Bất Động Sản | 03/11/2024 | 18/11/2024 | 27.000 | 29.500 | 25.500 | 26/11/2024 | 28.550 | 6% |
| VGI | Viễn thông | 27/10/2024 | Không khớp | 64.000 | 70.500 | 61.000 | 05/12/2024 | 88.200 | 38% |
| TTA | Điện lực | 09/12/2024 | Không khớp | 11.600 | 12.600 | 10.500 | 18/12/2024 | 13.100 | 13% |
| PVP | Vận tải | 15/12/2024 | 16/12/2024 | 16.800 | 18.500 | 16.000 | 24/12/2024 | 17.700 | 5% |
| BFC | Hóa chất | 24/11/2024 | 27/11/2024 | 39.000 | 42.000 | 36.000 | 25/12/2024 | 40.500 | 4% |
| TV2 | Điện lực | 29/12/2024 | 30/12/2024 | 34.350 | 37.000 | 32.000 | 07/01/2025 | 32.000 | -7% |
| NAB | Ngân Hàng | 20/10/2024 | 21/10/2024 | 16.000 | 17.700 | 15.000 | 17/01/2025 | 16.400 | 3% |
| FOX | Viễn Thông | 19/01/2025 | 20/01/2025 | 99.000 | 107.000 | 93.000 | 22/01/2025 | 109.000 | 10% |
| PNJ | Bán lẻ | 05/01/2025 | 07/01/2025 | 96.000 | 106.000 | 93.000 | 04/02/2025 | 98.200 | 2% |
| VIP | Vận tải | 22/12/2024 | 26/12/2024 | 14.600 | 16.000 | 13.500 | 07/02/2025 | 14.800 | 1% |
| REE | Điện lực | 01/12/2024 | 02/12/2024 | 67.000 | 72.000 | 62.000 | 11/02/2025 | 67.500 | 1% |
| TIP | Bất động sản | 16/02/2025 | Không khớp | 21.700 | 24.000 | 21.000 | 25/02/2025 | 22.300 | 3% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐANG THEO DÕI

| Mã CP | Ngành | Thời điểm khuyến nghị | Thời điểm mua | Giá mua vào | Target | Vùng cắt lỗ | Thị giá | Lợi nhuận |
|-------|--------------|-----------------------|---------------|-------------|--------|-------------|---------|-----------|
| BAF* | Thực phẩm | 17/11/2024 | 18/11/2024 | 23.300 | 25.500 | 21.500 | 31.950 | 37% |
| VGC** | Bất động sản | 12/01/2025 | 13/01/2025 | 47.500 | 52.000 | 44.000 | 51.800 | 9% |
| BAF* | Thực phẩm | 02/02/2025 | 03/02/2025 | 27.500 | 30.000 | 26.000 | 31.950 | 16% |
| VLB | Tài nguyên | 09/02/2025 | 10/02/2025 | 43.500 | 47.000 | 41.000 | 45.500 | 5% |
| BCM | Bất động sản | 23/02/2025 | 24/02/2025 | 74.500 | 82.000 | 72.000 | 76.600 | 3% |

(*): Tiếp tục nắm giữ cổ phiếu BAF, chốt lời khi giá giảm dưới mốc 28.

(**): Tiếp tục nắm giữ cổ phiếu VGC, chốt lời khi giá giảm dưới mốc 51.

KHUYẾN CÁO

Các thông tin trong báo cáo được xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty Cổ phần Chứng khoán EVEREST (“EVS”), EVS không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của EVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo, EVS không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của EVS và không mang tính chất khuyến nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán hay công cụ tài chính có liên quan nào. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của EVS. Khi sử dụng các nội dung đã được EVS chấp thuận, xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn.

THÔNG TIN LIÊN LẠC

CTCP CHỨNG KHOÁN EVEREST (EVS) - Website: www.eves.com.vn

Trụ sở chính:

Tầng 3, 6, 9 Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 3772 6699 - Fax: (84) 24 3772 6763

Chi nhánh Sài Gòn:

Tầng M, Central Park Tower, 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 28 6290 6296

Fax: (84) 28 6290 6399

Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Tầng 3, Tòa nhà VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 936 6866

Fax: 0243 936 6586

PHÒNG PHÂN TÍCH**Phạm Văn Tuấn**

Trưởng phòng phân tích

tuanpv1@eves.com.vn

Vũ Mai Anh

Chuyên viên cao cấp

anhvm@eves.com.vn

Đình Quốc Khánh

Chuyên viên

khanhdq@eves.com.vn

Nguyễn Tùng Dương

Chuyên viên

duongnt@eves.com.vn

Mở tài khoản EVS tại:



Theo dõi chúng tôi tại:

